TAND HUYỆN TRIỆU SƠN
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Số 81 /2018 /QĐST- HNGĐ

Triệu Sơn, ngày 31 tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 120/2018/TLST/HNGĐ ngày 7 tháng 5 năm 2018, giữa:

Anh Hà Văn H, sinh năm 1983

Trú tại: Xóm 1, Diễn Tr, xã Hợp Th, huyện Tr, tỉnh Thanh Hóa

Chị Hà Thị T, sinh năm 1983

Trú tại: Xóm 1, Diễn Tr, xã Hợp Th, huyện Tr, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng Dân;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 luật Hôn nhân gia đình.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự ; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, điểm 1.1, tiểu mục 1, mục II phần A danh mục mức án phí, lệ phí Toà án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 5 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 5 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1.**Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:**

Anh Hà Văn H, sinh năm 1983

Trú tại: Xóm 1, Diễn Tr, xã Hợp Th, huyện Tr, tỉnh Thanh Hóa

Chị Hà Thị T, sinh năm 1983

Trú tại: Xóm 1, Diễn Tr, xã Hợp Th, huyện Tr, tỉnh Thanh Hóa

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Hà Văn H và chị Hà Thị T.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 (ba) con chung với nhau, tên cháu các cháu là Hà Thị Khánh L, sinh ngày 17/4/2002; Hà Thu Tr, sinh ngày 01/01/ 2007 và Hà Văn Ph, sinh ngày 02/10/2011. Hiện nay các cháu đang ở cùng chị T. Ly hôn vợ chồng anh, chị thỏa thuận tiếp tục giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả 03 (ba) con, anh H có nghĩa vụ đóng góp nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng) / 3 (ba) cháu kể từ tháng 6 năm 2018 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Anh H được quyền đi lại chăm sóc con chung, chị T và các thành viên trong gia đình không được ngăn cấm cản trở.

- Về tài sản và phần nợ: Vợ chồng anh, chị không yêu cầu tòa án giải quyết.
- Về án phí: Vợ chồng anh, chị thỏa thuận anh H nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn) anh Hoàn đã nộp theo biên lai số AA/2017/ 0001183 ngày 3 tháng 5 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn được trừ 150.000 tiền án phí ly hôn sơ thẩm (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận
- *Các đương sự*
- *VKS Triệu Sơn*
- *Chi cục thi hành án Triệu Sơn*
- *phòng Giám đốc án*
- *UBND xã Triệu Thành*
- *Lưu hồ sơ*

THẨM PHÁN

Lê Thị Thủy